TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ẩn

2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 475/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nên giữa ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim Th tiến đến hôn nhân; ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/6/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một người con chung; thời gian sau đó, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình. Ông bà đã ly thân từ tháng 07/2022 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn

tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T yêu cầu được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà Th có 01 con chung tên Trần Nguyễn Phương U, sinh ngày 02/01/2017. Hiện tại, cháu Phương U đang sống chung với bà Th. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Th thì ông T đồng ý giao cháu Phương U cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại các Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ghi ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Tuy nhiên, bị đơn bà Th cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung với bà Th. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th thường trú tại ấp 4, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt. Nguyên đơn ông Trần Thanh T, trong quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông T.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông T thấy rằng:

[4.1] Ông T và bà Th xác lập quan hệ vợ chồng năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/6/2016 nên hôn nhân giữa ông T và bà Th là hôn nhân hợp pháp.

[4.2] Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do ông T và bà Th không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 07/2022 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; bà Th đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để trình bày ý kiến, đưa ra giải pháp đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, để

vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Th cố tình vắng mặt, phần nào thể hiện bà Th không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Th là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[5] Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng:

[5.1] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà Th có 01 con chung tên Trần Nguyễn Phương U, sinh ngày 02/01/2017. Hiện tại, cháu Phương U đang sống chung với bà Th. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đồng ý giao cháu Phương U cho bà Th được tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho cháu Phương U được phát triển khỏe mạnh về thể chất, được học tập bình thường như bao đứa trẻ khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phương U cho bà Th được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[5.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hiện tại, cháu Phương U đang sống chung với bà Th. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th vắng mặt và không có văn bản gởi đến tòa án yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, ông T không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Phương U nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét. Trường hợp, bà Th có tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị Kim Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Th.

2. Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Kim Th được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Phương U, sinh ngày 02/01/2017. Ông Trần Thanh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Ông Trần Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 00.12203 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, ông T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Bến Lức;
-CCTHADS huyện Bến Lức;
- UBND xã An Th, huyện Bến L;
-Các đương sự;
-Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Đình Đông